

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày: 05 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Phượng**

Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tuấn Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Văn Biệt**

Bà **Huỳnh Thị Quỳnh Anh**

Bà **Lê Thị Hoàng Yến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Lê Trúc Quỳnh** – Thư ký Tòa Hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông **Trương Quang Thu** - Kiểm sát viên

Trong các ngày 04 và 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2018/TLST-HS ngày 27/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HS ngày 14/3/2018 đối với các bị cáo:

1. Đinh Thị N, sinh năm 1968, Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố H, phường P, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, chỗ ở trước khi bị bắt: 18 Đường Đ, phường P, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: buôn bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Đinh N1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N2 (đã chết); chồng Ngô Thành L (sinh năm 1966); có 04 con, lớn nhất sinh năm 1991 nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2017. Có mặt.

2. Ngô Thành L, sinh năm 1966; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố H, phường P, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, chỗ ở trước khi bị bắt: 18 Đường Đ, phường P, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: buôn bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Ngô Văn L1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L2 (đã chết); vợ Đinh Thị N (sinh năm 1968); có 04 con, lớn nhất sinh năm 1991 nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Huỳnh V** – Công ty TNHH Một thành viên S thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa.

- *Người bị hại:*

1/ Bà **Phạm Thị A**, sinh năm 1964.

Trú tại: Tổ dân phố L, phường M, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt.

2/ Ông **Nguyễn Xuân B**, sinh năm 1966.

Trú tại: Tổ dân phố L, phường M, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt

3/ Bà **Lê Thị Kim Y**, sinh năm 1973.

Trú tại: Tổ dân phố H, phường C, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo thông báo số 309/TB-UBND ngày 11/10/2005 của Ủy ban nhân dân thị xã Cam Ranh (nay là thành phố Cam Ranh) tạm giao cho bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1931, trú tại tổ dân phố H, phường P, thành phố Cam Ranh 80m² tại số 18 đường Đ, tổ dân phố S, phường P, thành phố Cam Ranh. Bà N2 chỉ được dựng nhà tạm bằng vật liệu nhẹ, trực tiếp sử dụng không được để lại thừa kế hay chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Vợ chồng Đinh Thị N (con gái bà N2) và Ngô Thành L có hộ khẩu tại tổ dân phố H, phường P, thành phố Cam Ranh sống cùng với bà N2 tại lô đất 18 Đường Đ, tổ dân phố S, phường P, Cam Ranh. Đến ngày 11/12/2008, bà Nguyễn Thị N2 chết. Ngày 12/10/2009, UBND thành phố Cam Ranh có Công văn số 3945/UBND-VP gửi UBND phường P thu hồi lô đất tạm giao cho bà Nguyễn Thị N2 nhưng chưa thực hiện. Do vậy, vợ chồng N và L vẫn tiếp tục sinh sống tại lô đất 18 Đường Đ, tổ S, phường P, Cam Ranh.

Mặc dù, Đinh Thị N biết rõ lô đất số 18 Đường Đ, tổ S, phường P, Cam Ranh là do Nhà nước quản lý, bản thân N không có quyền sở hữu, chuyển nhượng. Nhưng năm 2010 N đã nói vợ chồng ông Nguyễn Xuân B, bà Phạm Thị A mình là chủ sở hữu và có quyền chuyển nhượng, để bán lô đất trên cho vợ chồng ông B, bà A diện tích đất 5x25=125m² với giá 500 triệu đồng, ông B và bà A đã đưa trước cho N 300 triệu đồng, thỏa thuận khi nào N làm đủ thủ tục giấy tờ nhà, đất thì ông B, bà A sẽ giao số tiền còn lại cho N. Đến năm 2014, N lại tiếp tục nói với vợ chồng ông B là sẽ bán thêm 8x25=200m² diện tích lô đất với giá 800 triệu đồng, ông B và bà A phải đưa thêm 300 triệu đồng, số tiền còn lại khi nào giấy tờ nhà, đất xong thì vợ chồng ông B sẽ đưa hết. Vợ chồng ông B đồng ý và đã đưa trước cho N 300 triệu đồng. Tổng cộng diện tích đất mà N lừa bán cho

ông B và bà A là 200m² với giá 800 triệu đồng, trong đó N đã nhận trước 600 triệu đồng.

Bằng thủ đoạn như trên, đến năm 2015 N và L cùng bàn bạc ký giấy chuyển nhượng lô đất số 18 đường Đ, tổ S, phường P, Cam Ranh cho chị Lê Thị Kim Y, diện tích đất 700m² với giá 01 tỷ đồng, chị Y đã đưa trước 500 triệu đồng cho N và L, số tiền còn lại sẽ đưa khi N hoàn tất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy tờ chuyển nhượng đất.

Giám định chữ viết, chữ ký mang tên “Đinh Thị N” và “Ngô Thành L” tại 02 tài liệu bán đất năm 2010 và năm 2014 đối với lô đất 18 đường Đ, tổ S, phường P, Cam Ranh giữa Đinh Thị N và vợ chồng ông Nguyễn Xuân B, bà Phạm Thị A xác định đúng chữ viết, chữ ký của N dưới phần người bán, chữ ký, chữ viết mang tên “Ngô Thành L” không phải của L.

Giám định chữ ký, chữ viết “Đinh Thị N” và “Ngô Thành L” tại 02 tài liệu bán đất ngày 31/01/2015 đối với lô đất 18 Đường Đ, S, P, Cam Ranh giữa vợ chồng Đinh Thị N, Ngô Thành L với Lê Thị Kim Y thì xác định đúng chữ ký của Đinh Thị N và Ngô Thành L dưới phần người bán.

Cáo trạng số 34/QĐ/KSĐT-P2 ngày 28/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định truy tố Đinh Thị N và Ngô Thành L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và luận tội:

Tuy bị cáo Đinh Thị N chỉ thừa nhận hành vi lừa đảo đối với bà Lê Thị Kim Y và không thừa nhận hành vi lừa đảo đối với vợ chồng bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Xuân B, nhưng với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ pháp lý. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Đinh Thị N từ 13 đến 15 năm tù, bị cáo Ngô Thành L từ 12 đến 13 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

+ Luật sư Huỳnh V bào chữa cho bị cáo Đinh Thị N và bị cáo Ngô Thành L trình bày: Đồng ý với Viện kiểm sát về việc định tội danh cũng như các tình tiết giảm nhẹ đối với hai bị cáo. Riêng bị cáo N không thừa nhận hành vi chiếm đoạt tiền của vợ chồng bà Phạm Thị A, ông Nguyễn Xuân B và cho rằng các giấy tờ mua bán nhà đất đã lập giữa hai bên đều là giả mạo, nhưng bị cáo lại không đưa ra được các tài liệu gì để chứng minh, nên không có cơ sở để luật sư bào chữa việc oan sai cho bị cáo về nội dung này.

+ Ý kiến của người bị hại:

- Chị Lê Thị Kim Y đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát và đề nghị bị cáo phải trả lại cho chị số tiền 500.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt.

- Ông Nguyễn Xuân B và bà Phạm Thị A đồng ý với lời luận tội của Viện kiểm sát và đề nghị bị cáo phải trả lại cho ông bà số tiền 600.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về trách nhiệm hình sự:

[1] Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Lê Thị Kim Y:

Tại phiên tòa bị cáo N và bị cáo L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình: Mặc dù, các bị cáo biết lô đất tại số 18 đường đường Đ, tổ dân phố S, phường P, thành phố Cam Ranh thuộc quyền quản lý của Nhà nước và tạm giao cho mẹ của bị cáo Đinh Thị N là bà Nguyễn Thị N2 ở, sử dụng 80m² đất trên lô đất này, theo Thông báo số 309/TB-UBND ngày 11/10/2005 của Ủy ban nhân dân thị xã Cam Ranh (nay là thành phố Cam Ranh). Vì cần tiền để trả nợ và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, nên các bị cáo đã nói dối với chị Lê Thị Kim Y mình là chủ sở hữu lô đất này để chị Y tin và đồng ý mua 700m² đất với giá 01 tỷ đồng. Chị Y đã đưa trước 500 triệu đồng cho bị cáo N và L để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thông qua hợp đồng vay tiền lập tại phòng Công chứng số 01 tỉnh Khánh Hòa), số tiền còn lại chị Y sẽ đưa hết khi N và L khi hoàn tất thủ tục giấy tờ đất và chuyển giao quyền sử dụng đất cho chị Y. Nhưng sau khi nhận tiền của chị Y, bị cáo N và L đã không đến các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục giấy tờ nhà đất và chuyển nhượng diện tích đất như đã cam kết với chị Y, mà chiếm đoạt của chị Y số tiền này.

Tại phiên tòa, bị cáo N và bị cáo L cho rằng: Mặc dù, các bị cáo đã ký vào giấy nhận tiền của chị Y số tiền 500.000.000 đồng, nhưng thực tế chị Y chỉ đưa cho các bị cáo 330.000.000 đồng, số tiền còn lại 170.000.000 đồng chị Y đã cầm trừ vào khoản nợ mà bị cáo N đã vay của chị Y trước đó. Tuy nhiên, chị Y phủ nhận nội dung này.

+ Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế, bị cáo N và bị cáo L đã ký giấy xác nhận đã nhận của chị Y số tiền 500.000.000 đồng. Việc các bị cáo cho rằng chị Y chỉ đưa cho các bị cáo số tiền 330.000.000 đồng, nhưng chị Y không thừa nhận. Mặt khác, bản thân các bị cáo cũng không đưa ra được tài liệu gì khác để chứng minh. Việc các bị cáo trình bày là không có cơ sở nên không chấp nhận, mà có căn cứ xác định các bị cáo đã chiếm đoạt của chị Y 500.000.000 đồng.

[2] Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Xuân B và bà

Phạm Thị A: Bị cáo Đinh Thị N không thừa nhận như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố.

Bị cáo N cho rằng: Bị cáo không có hành vi lừa đảo đối với ông Nguyễn Xuân B và bà Phạm Thị A, mà do bà A nói với bị cáo, việc làm ăn của bà bị thua lỗ không có tiền trả nợ, nên bà A đã nhờ bị cáo làm giả giấy tờ bán nhà đất nơi bị cáo đang ở cho vợ chồng bà A, để chồng bà A tin và không la mắng bà. Vì là chỗ chị em quen biết thân tình, nên bị cáo đã đồng ý làm giả 02 giấy bán nhà đất nơi bị cáo đang ở cho vợ chồng bà A.

Người bị hại ông Nguyễn Xuân B và bà Phạm Thị A trình bày: Bị cáo N khai không đúng sự thật. Vì thực tế bị cáo N đã nhận tiền của vợ chồng ông bà 600 triệu đồng để làm thủ tục giấy tờ chuyển nhượng nhà đất (nơi vợ chồng N đang ở) cho ông bà, nhưng N đã không giao nhà đất mà chiếm đoạt luôn số tiền này.

+ Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy bị cáo N khai không có việc chuyển nhượng nhà, đất (nơi vợ chồng bị cáo đang ở) tại tổ dân phố S, phường P, thành phố Cam Ranh cho vợ chồng ông B và bà A. Nhưng bị cáo lại chính là người viết giấy chuyển nhượng nhà đất nơi bị cáo đang ở cho vợ chồng bà A, ông B. Không những vậy, đến ngày 03/11/2014 tại nhà ông B, bà A, bị cáo lại tiếp tục làm giấy bán thêm đất cho ông B, bà A. Tổng cộng diện tích đất mà bị cáo N đã viết giấy chuyển nhượng cho ông B, bà A là 200 m² với giá 800 triệu đồng. Trong hai giấy bán nhà đất nói trên, bị cáo đều ghi rõ vị trí lô đất, đông, tây tứ cận, diện tích đất, giá tiền chuyển nhượng. Hơn nữa, trong hai giấy chuyển nhượng nhà, đất này, bị cáo đều ghi cụ thể số tiền đã nhận của vợ chồng ông B, bà A là 600 triệu đồng để làm thủ tục giấy tờ quyền sử dụng đất và bị cáo đều ký tên mình trong hai giấy tờ này.

Bị cáo cho rằng: Việc bị cáo viết giấy tờ chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông B, bà A chỉ là giả, mục đích để giúp bà A giấu ông B về việc thất thoát một khoản tiền do làm ăn thua lỗ. Nhưng việc bị cáo viết giấy chuyển nhượng nhà, đất vào ngày 03/11/2014, lại làm tại nhà ông B, bà A, bản thân bị cáo cũng thừa nhận do chính bị cáo đọc nội dung cho ông B viết. Hơn nữa, khi có mặt của ông B và bà A, bị cáo vẫn ghi *“đã nhận tiền đưa trước của vợ chồng ông B là 600.000.000 đồng...”* để làm thủ tục chuyển nhượng nhà đất, số tiền còn lại bị cáo cam kết trong thời hạn 30 ngày nhận đủ khi giao sổ đỏ và nhà đất; đồng thời bị cáo còn cam kết trách nhiệm cá nhân của mình trước pháp luật nếu có tranh chấp xảy ra. Điều đó chứng tỏ có việc bị cáo đã nhận số tiền 600.000.000 đồng từ ông B và bà A để chuyển nhượng nhà, đất nói trên. Hơn nữa, bị cáo cũng nhận thức được hậu quả về việc làm của mình, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Không những vậy, trong hai giấy tờ chuyển nhượng nhà, đất nói trên bị cáo đều đưa cho con trai của bị cáo là Ngô Thành T ký, để tạo lòng tin đối với người nhận chuyển nhượng đất. Tuy nhiên, T không biết động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo N nên các cơ quan tiến hành tố tụng đã không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ngô Thành T.

Ngoài ra, bị cáo không đưa ra được chứng cứ nào khác thể hiện việc chuyển nhượng nhà, đất này là giả mạo. Do vậy, lời khai của bị cáo về nội dung này là không có cơ sở.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu thập được một số tài liệu chứng minh về hành vi phạm tội của bị cáo: Theo các văn bản trả lời Cơ quan điều tra của Phòng tài nguyên môi trường thành phố Cam Ranh (bút lục 171); văn phòng đăng ký đất đai Khánh Hòa, chi nhánh Cam Ranh (bút lục 172); UBND phường P (bút lục 176) thể hiện: *Lô đất tọa lạc tại địa chỉ số 18 Đường Đ, tổ dân phố S, phường P, thành phố Cam Ranh tạm giao cho bà Nguyễn Thị N2 theo Thông báo số 309/TB-UBND ngày 11/10/2005. Sau khi bà Nguyễn Thị N2 chết ngày 11/12/2008, lô đất này chưa giao cho ai sử dụng và do Nhà nước quản lý; tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai không có hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các thông tin khác liên quan đến việc sử dụng đất của ông Ngô Thành L và bà Đinh Thị N; ngày 12/10/2009 UBND thị xã Cam Ranh (nay là thành phố Cam Ranh) có công văn số 3945/UBND-VP về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N2 tạm sử dụng tại phường P, nhưng hiện vẫn chưa thực hiện việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N2 theo công văn này.*

Như vậy, với những tài liệu đã thu thập được nêu trên trong quá trình điều tra và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy: Các bị cáo biết rõ lô đất số 18 đường Đ, tổ dân phố S, phường P, thành phố Cam Ranh thuộc quyền quản lý của Nhà nước; các bị cáo không có quyền quản lý, sử dụng hợp pháp và chuyển nhượng lô đất này; thực tế, các bị cáo cũng không đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng lợi dụng mối quan hệ quen biết từ trước với những người bị hại, và hiện các bị cáo vẫn đang sinh sống trên mảnh đất do Nhà nước tạm giao cho bà Nguyễn Thị N2 sử dụng, nên các bị cáo đã gian dối tự nhận mình là chủ đất, không chỉ với diện tích 80 m² đất nơi các bị cáo đang ở, mà cả diện tích đất xung quanh để chuyển nhượng cho những người khác. Bằng thủ đoạn này, các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của họ. Cụ thể:

+ Đối với trường hợp của chị Lê Thị Kim Y: Bị cáo Đinh Thị N và Ngô Thành L đã có sự bàn bạc với nhau trong quá trình thực hiện tội phạm, nên hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm. Với thủ đoạn gian dối nêu trên, các bị cáo đã làm cho chị Lê Thị Kim Y tin các bị cáo là người có quyền sử dụng lô đất (nơi các bị cáo đang ở) nên chị Y đã đồng ý đưa trước cho

các bị cáo 500.000.000 đồng để làm thủ tục hợp thức quyền sử dụng diện tích 700m² đất và các bị cáo đã chiếm đoạt của chị Y số tiền này.

+ Đối với trường hợp của ông Nguyễn Xuân B và bà Phạm Thị A: Cũng với thủ đoạn gian dối nêu trên, tuy nhiên trong trường hợp này bị cáo N không nói và không bàn bạc với bị cáo L mà chỉ một mình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Thực tế, bị cáo đã giả mạo chữ ký của bị cáo L trong hai giấy tờ chuyển nhượng nhà, đất (200m²) cho vợ chồng ông B, bà A để chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng của họ, nên riêng bị cáo N phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền chiếm đoạt này.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; kết luận giám định khoa học hình sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Đinh Thị N và bị cáo Ngô Thành L đã có hành vi gian dối chiếm đoạt của chị Lê Thị Kim Y số tiền 500.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo N còn có hành vi gian dối chiếm, đoạt của ông Nguyễn Xuân B và bà Phạm Thị A số tiền 600.000.000 đồng. Tổng số tiền, bị cáo N chiếm đoạt là 1.100.000.000 đồng (*một tỷ một trăm triệu đồng*). Bị cáo Ngô Thành L chiếm đoạt số tiền là 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*). Như vậy, hành vi của các bị cáo đã có đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố các bị cáo về tội danh và điều, khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây ra hậu quả nặng nề và đẩy người bị hại lâm vào tình cảnh khó khăn. Vì vậy, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, để các bị cáo có thời gian suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình mà cố gắng cải tạo, sửa chữa bản thân; đồng thời răn đe và ngăn ngừa các hành vi tương tự khác trong xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo L đã khai báo thành khẩn, bị cáo N chỉ nhận tội một phần, hai bị cáo phần nào đã tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Bản thân các bị cáo là nhân dân lao động, chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

** Về trách nhiệm dân sự:*

+ Người bị hại chị Lê Thị Kim Y yêu cầu các bị cáo Đinh Thị N và Ngô Thành L phải trả lại cho chị 500.000.000 đồng mà các bị cáo đã chiếm đoạt.

+ Người bị hại bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Xuân B yêu cầu bị cáo Đinh Thị N phải trả lại cho ông bà 600.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Xét thấy: Yêu cầu của những người bị hại là chính đáng và phù hợp với pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Buộc bị cáo Đinh Thị N và Ngô Thành L phải liên đới trả lại cho chị Lê Thị Kim Y 500.000.000 đồng. Cụ thể mỗi bị cáo phải trả lại cho chị Lê Thị Kim Y 250.000.000 đồng; buộc bị cáo Đinh Thị N phải trả lại cho ông Nguyễn Xuân B và bà Phạm Thị A 600.000.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Đinh Thị N và Ngô Thành L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**.

Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đối với hai bị cáo.

2. Xử phạt: Bị cáo **Đinh Thị N 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/6/2017.

Bị cáo **Ngô Thành L 12 (mười hai) năm tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015;

Áp dụng Điều 288, Điều 584 và Điều 586 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đinh Thị N và Ngô Thành L phải liên đới trả cho chị Lê Thị Kim Y 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*). Cụ thể:

- Bị cáo Đinh Thị N phải trả lại cho chị Lê Thị Kim Y 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*); bị cáo Ngô Thành L phải trả lại cho chị Lê Thị Kim Y 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*).

- Bị cáo Đinh Thị N phải trả cho bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Xuân B 600.000.000 đồng (*sáu trăm triệu đồng*).

4. Về án phí: Bị cáo Đinh Thị N và Ngô Thành L, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đinh Thị N phải chịu 37.500.000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Ngô Thành L phải chịu 12.500.000 đồng (*mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quy định chung: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu không thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*đã kí*)

Lê Thúy Phượng